

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.; Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 3/2026/TLST - KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP P (gọi tắt: H1).** Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tuấn G – Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ. Địa chỉ trụ sở: Số B, N, phường S, TP Hồ Chí Minh. Người được ủy quyền lại là: Ông Lê Ngọc H – Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp – H1 CN Quảng Bình. Địa chỉ: Số C T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH G1;** Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Hồng N – sinh năm 1997; Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc. Địa chỉ công ty: Thôn T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Hồng N – sinh năm: 1997; Địa chỉ: Tổ dân phố H (N), phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Phạm Sỹ Đ1 – sinh năm 1981; Địa chỉ: Số A, ngõ A đường N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về tiền nợ gốc và nợ lãi:

Các bên đương sự thống nhất thoả thuận:

- **Về tiền nợ gốc và nợ lãi:** Các bên đương sự thống nhất thoả thuận: Tính đến ngày 24/8/2026, tổng dư nợ gốc và lãi phải trả của hợp đồng tín dụng (gồm: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 30268/24MB/HĐTD ngày 20/11/2024, Phụ lục Hợp đồng tín dụng Hạn mức số 30268/24MB/HĐTD/PL01 ngày 20/11/2024) mà Công ty TNHH G1 còn nợ và phải trả cho Ngân hàng H1 tính đến ngày 24/8/2026 là: **4.600.721.070 đồng** (bằng chữ: *Bốn tỷ, sáu trăm triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng*), trong đó nợ gốc là: 4.137.520.445 đồng, nợ lãi trong hạn: 34.190.728 đồng, nợ lãi quá hạn: 426.084.315 đồng; lãi chậm trả lãi 3.926.992 đồng.

2.2 Các bên đã thống nhất phương án và thời gian Công ty TNHH G1 trả nợ cho Ngân hàng H1) như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 15/11/2026 thì bị đơn sẽ thanh toán cho Ngân hàng H1 toàn bộ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 24/8/2026 là: **4.600.721.070 đồng** (bằng chữ: *Bốn tỷ, sáu trăm triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng*), trong đó nợ gốc là: 4.137.520.445 đồng, nợ lãi trong hạn: 34.190.728 đồng, nợ lãi quá hạn: 426.084.315 đồng; lãi chậm trả lãi 3.926.992 đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH G1 đồng ý còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng H1 tính kể từ ngày 25/8/2026 đến ngày thực tế trả hết nợ.

- **Về xử lý tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay đến hạn trả nợ gốc, trả nợ mà Công ty TNHH G1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H1::**

Trường hợp Bị đơn vi phạm không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với một trong các lộ trình trả nợ như đã cam kết thoả thuận nêu trên thì Ngân hàng H1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm /biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

+ Tài sản thứ nhất: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 425, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thôn A, Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã L, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 040768, sổ vào sổ cấp GCN: CT 06187 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 07/3/2019, cập nhật chủ sở hữu gần nhất ngày 16/03/2023.

+ Tài sản thứ hai: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 445, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thôn A, Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã L, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 040766, sổ vào sổ cấp GCN: CT 06184 do Sở

tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 07/3/2019, cập nhật chủ sở hữu gần nhất ngày 16/03/2023.

+ Tài sản thứ ba: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 442, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thôn A, Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã L, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 040765, sổ vào sổ cấp GCN: CT 06188 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 07/3/2019, cập nhật chủ sở hữu gần nhất ngày 16/03/2023.

+ Tài sản thứ tư: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 448, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thôn A, Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã L, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 040767, sổ vào sổ cấp GCN: CT 06188 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 07/3/2019, cập nhật chủ sở hữu gần nhất ngày 16/03/2023.

+ Tài sản thứ năm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 436, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thôn A, Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: xã L, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 040764, sổ vào sổ cấp GCN: CT 06185 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp ngày 07/3/2019, cập nhật chủ sở hữu gần nhất ngày 16/03/2023.

Các bên đương sự thống nhất nhất trí: Bên bảo lãnh là bà Phạm Hồng N phải trả nợ thay cho Công ty TNHH G1 trong trường hợp Công ty TNHH G1 không thanh toán nợ cho Ngân hàng H1. Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà Công ty TNHH G1 và/hoặc Bên bảo lãnh là bà Phạm Hồng N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng H1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng H1, các tài sản bảo đảm đã nêu trên. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH G1 đối với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố P, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH G1 và/hoặc Bên bảo lãnh là bà Phạm Hồng N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố P bằng nguồn thu và tài sản hợp pháp khác thuộc quyền.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Các đương sự thống nhất thoả thuận: Bị đơn là Công ty TNHH G1 phải chịu nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 56.300.361 đồng (làm tròn thành 56.300.000) (*Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*).

Ngân hàng H1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng H1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền tạm ứng án phí là: 56.196.444 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng*) đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0003171 ngày 19 tháng 6 năm 2026.

2.4. Về tiền chi phí thẩm định tài sản tại chỗ:

Ghi nhận ý kiến thống nhất thoả thuận của các đương sự về việc: Bị đơn là Công ty TNHH G1 4.0 chịu số tiền chi phí thẩm định tài sản là 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn*).

Do Ngân hàng H1 đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi đủ toàn bộ số tiền chi phí thẩm định nêu trên. Nên các đương sự thống nhất bị đơn phải có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho Ngân hàng H1 số tiền chi phí tố tụng cho việc thẩm định tài sản là 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn*).

Trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; trường hợp có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phú Quảng

